

Số: 02 /BC-PTCKH

Tiểu Cần, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý IV và ước năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tiểu Cần về phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tiểu Cần về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021;

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý IV và ước năm 2021, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

*** Tổng thu NSNN quý IV năm 2021: 349.198 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 904.404 triệu đồng đạt 175,40%, tăng 19,44% so cùng kỳ năm trước, trong đó:**

1/. Thu nội địa quý IV: 20.494 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 70.901 triệu đồng đạt 152,48% so với dự toán năm 2021, tăng 16,13% so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: thực hiện 337 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 1.118 triệu đồng đạt 447,27% so với dự toán năm 2021 giảm 3,91% so cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện 3.246 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 17.113 triệu đồng đạt 126,76% so với dự toán năm 2021 tăng 11,51% so cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 1.954 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 10.089 triệu đồng đạt 100,89% so với dự toán năm 2021 giảm 7,62% so cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ: thực hiện 2.570 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 8.504 triệu đồng đạt 80,99% so với dự toán năm 2021, giảm 22,44% so cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện 277 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 2.821 triệu đồng đạt 120,04% so với dự toán năm 2021 tăng 21,30% so cùng kỳ năm trước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện 280 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 312 triệu đồng đạt 77,99% so với dự toán năm 2021, giảm 30,26% so cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 8.232 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 20.272 triệu đồng đạt 405,43% so với dự toán năm 2021, tăng 133,61% so cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: thực hiện 3.598 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 10.673 triệu đồng đạt 237,18% so với dự toán năm 2021, giảm 4,76% so cùng kỳ năm trước;

2/. Thu viện trợ: lũy kế ước năm 2021: 129,3 triệu đồng, giảm 37,81% so cùng kỳ năm trước.

3/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: lũy kế ước năm 2021: 103.348 triệu đồng.

4/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 256.309 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 635.931 triệu đồng đạt 136,2% so dự toán năm 2021, tăng 19,6% so cùng kỳ năm trước.

5./ Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: thực hiện: 1.380 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 23.207 triệu đồng.

6/. Thu kết dư ngân sách: lũy kế ước năm 2021: 70.887 triệu đồng.

*** Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp:** 299.612 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 777.597 triệu đồng đạt 151,39% so với dự toán năm 2021, tăng 7,77% so cùng kỳ năm trước.

II. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách huyện quý IV năm 2021: 197.468 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: 605.252 triệu đồng đạt 117,84% so với dự toán năm 2021, giảm 6,99% so cùng kỳ năm trước trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 21.908 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 122.833 triệu đồng đạt 127,29% so với dự toán năm 2021, giảm 15,16% so cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên: thực hiện 151.703 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021: là 421.356 triệu đồng đạt 116,03% so với dự toán năm 2021, tăng 28,75% so cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 53.001 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 171.630 triệu đồng đạt 88,15% so với dự toán năm 2021, giảm 4,0% so cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: thực hiện 28 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 109 triệu đồng đạt 10,46% so với dự toán năm 2021; giảm 4,04% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện 1.368 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 2.932 triệu đồng đạt 59,29% so với dự toán năm 2021, giảm 4,38% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp môi trường: thực hiện 1.158 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 1.655 triệu đồng đạt 96,01% so với dự toán năm 2021; tăng 25,89% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện 34.793 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 66.736 triệu đồng đạt 250,88% so với dự toán năm 2021, tăng 56,78% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: thực hiện 46.173 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 118.877 triệu đồng đạt 134,61% so với dự toán năm 2021, tăng 11,23% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 33.131 triệu đồng, lũy kế ước năm 2021 là 79.423 triệu đồng đạt 506,23% so với dự toán năm 2021, tăng 73,59% so cùng kỳ năm trước.

III/. Đánh giá chung:

* Về thu ngân sách: thu ngân sách trong cân đối đạt 131,89% so dự toán HĐND huyện giao, tăng 20,26% so cùng kỳ năm trước.


* Về chi ngân sách: nhìn chung tổng chi ngân sách huyện không vượt so chỉ tiêu giao, đảm bảo chi trong dự toán ngân sách và có tiết kiệm, chi thường xuyên đảm bảo theo tiến độ công việc.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý IV và ước năm 2021 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

**K/ TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG.**



Trần Thị Đẹp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÍ IV NĂM 2021 VÀ ƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-PTCKH ngày 10 /01/2022 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1			3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	520.906	299.612	777.597	149,28	107,77
I	Thu cân đối NSNN	46.500	18.609	61.327	131,89	120,26
1	Thu nội địa	46.500	18.479	61.198	131,61	120,50
2	Thu viện trợ		129	129		62,19
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		0	103.348		170,90
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	208.737	539.451	115,54	101,46
IV	Thu kết dư ngân sách	7.500	70.887	70.887		91,32
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.380	2.584		342,53
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	513.638	197.468	605.252	117,84	93,01
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	469.138	174.990	567.396	120,94	94,32
1	Chi đầu tư phát triển	96.500	21.908	122.833	127,29	84,84
2	Chi thường xuyên	363.138	151.703	421.356	116,03	128,75
3	Dự phòng ngân sách	9.500			0,00	0,00
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.380	23.207		88,78
5	Chi chuyển nguồn		0	0		0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	44.500	22.478	37.856	85,07	77,01

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV VÀ ƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-PTCKH ngày 10/01/2022 của phòng Tài chính - KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=2/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	515.638	349.198	904.404	175,40	119,44
I	Thu nội địa	46.500	20.494	70.901	152,48	116,13
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	250	337	1.118	447,27	96,09
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.500	3.246	17.113	126,76	111,51
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	1.954	10.089	100,89	92,38
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	10.500	2.570	8.504	80,99	77,56
7	Thu phí, lệ phí	2.350	277	2.821	120,04	121,30
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.400	8.512	20.583	381,18	225,58
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	280	312	77,99	69,74
-	Thu tiền sử dụng đất	5.000	8.232	20.272	405,43	233,61
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu khác ngân sách	4.500	3.598	10.673	237,18	95,24
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác					
II	Thu viện trợ		129,3	129,3		62,19
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			103.348		170,90
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	256.309	635.931	136,20	119,60
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.380	23.207		88,78
VI	Thu kết dư ngân sách	2.232	70.887	70.887		91,32
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	513.638	299.612	777.597	151,39	107,77
1	Từ các khoản thu phân chia	16.100	5.698	28.060	174,29	104,75
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	28.400	12.782	33.137	116,68	138,07
3	Thu viện trợ		129	129		62,19
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			103.348		170,90
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	208.737	539.451	115,54	101,46
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.380	2.584		342,53
7	Thu kết dư ngân sách	2.232	70.887	70.887		91,32

* Ghi chú: Số thu đã loại trừ thu bổ sung cho ngân sách cấp xã 96.480 triệu đồng.

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ IV VÀ ƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-PTCKH ngày 10 /01/2022 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=2/1	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	513.638	197.468	605.252	117,84	93,01
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	469.138	174.990	567.396	120,94	94,32
I	Chi đầu tư phát triển	96.500	21.908	122.833	127,29	84,84
1	Chi đầu tư phát triển	96.500	21.908	122.833	127,29	84,84
2	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	363.138	151.703	421.356	116,03	128,75
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.698	53.001	171.630	88,15	96,00
2	Chi khoa học và công nghệ	1.045	28	109	10,46	95,96
3	Chi văn hóa thông tin	4.946	1.368	2.932	59,29	95,62
4	Chi phát thanh, truyền hình					
5	Chi thể dục thể thao		32	193		15,89
6	Chi bảo vệ môi trường	1.724	1.158	1.655	96,01	125,89
7	Chi hoạt động kinh tế	26.601	34.793	66.736	250,88	156,78
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	88.312	46.173	118.877	134,61	111,23
9	Chi bảo đảm xã hội	15.689	33.131	79.423	506,23	173,59
III	Dự phòng ngân sách	9.500			0,00	-
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.380	23.207		88,78
V	Chi chuyển nguồn		54.809	54.809		53,03
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	44.500	22.478	37.856	85,07	77,01
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					-
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	44.500	22.478	37.856	85,07	116,58

* Ghi chú: Số chi đã loại trừ chi bổ sung cho ngân sách cấp xã 96.480 triệu đồng.